**Tuyên truyền một số quy định mới về chứng thực có hiệu lực từ 20/4/2020**

**Từ ngày 20/4/2020,**[**Thông tư 01/2020/TT-BTP**](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/Thong-tu-01-2020-TT-BTP-huong-dan-ve-cap-ban-sao-tu-so-goc-chung-thuc-chu-ky-436529.aspx)**hướng dẫn**[**Nghị định 23/2015/NĐ-CP**](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/dich-vu-phap-ly/nghi-dinh-23-2015-nd-cp-cap-chung-thuc-ban-sao-tu-ban-chinh-chung-thuc-chu-ky-266857.aspx)**về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch có hiệu lực thi hành.**

Theo đó, có một số điểm mới về chứng thực bắt đầu có hiệu lực từ ngày 20/4/2020. Cụ thể như sau:

**1. 04 trường hợp được chứng thực chữ ký trên Giấy ủy quyền**

Theo đó, việc chứng thực chữ ký trên Giấy ủy quyền được thực hiện trong các trường hợp sau đây:

- Ủy quyền về việc nộp hộ, nhận hộ hồ sơ, giấy tờ, trừ trường hợp pháp luật quy định không được ủy quyền;

- Ủy quyền nhận hộ lương hưu, bưu phẩm, trợ cấp, phụ cấp;

- Ủy quyền nhờ trông nom nhà cửa;

- Ủy quyền của thành viên hộ gia đình để vay vốn tại Ngân hàng chính sách xã hội.

Đối với việc ủy quyền không thuộc một trong các trường hợp trên thì không được yêu cầu chứng thực chữ ký trên giấy ủy quyền; người yêu cầu chứng thực phải thực hiện các thủ tục theo quy định về chứng thực hợp đồng, giao dịch.

**2. Không ghi bất kỳ nhận xét gì vào tờ khai lý lịch cá nhân**

Cụ thể, việc chứng thực chữ ký trong tờ khai lý lịch cá nhân được quy định như sau:

- Người thực hiện chứng thực không ghi bất kỳ nhận xét gì vào tờ khai lý lịch cá nhân, chỉ ghi lời chứng chứng thực theo mẫu quy định tại Nghị định 23/2015/NĐ-CP.

- Trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định khác về việc ghi nhận xét trên tờ khai lý lịch cá nhân thì tuân theo pháp luật chuyên ngành.

- Người yêu cầu chứng thực phải chịu trách nhiệm về toàn bộ nội dung trong tờ khai lý lịch cá nhân của mình.

 - Đối với những mục không có nội dung trong tờ khai lý lịch cá nhân thì phải gạch chéo trước khi yêu cầu chứng thực.

**3. Bổ sung cách ghi số chứng thực chữ ký và số chứng thực hợp đồng,**cụ thể:

- Số chứng thực chữ ký trên giấy tờ, văn bản và chứng thực chữ ký người dịch là số chứng thực được ghi theo từng loại giấy tờ, văn bản cần chứng thực chữ ký; không lấy số chứng thực theo lượt người yêu cầu chứng thực;

- Số chứng thực hợp đồng được ghi theo từng việc; không lấy số theo lượt người yêu cầu hoặc theo số bản hợp đồng

**4. 07 mẫu lời chứng chứng thực hợp đồng, giao dịch tại bộ phận một cửa áp dụng từ 20/4/2020**

Theo đó, 07 mẫu lời chứng chứng thực hợp đồng, giao dịch tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông, gồm:

**1. Lời chứng chứng thực hợp đồng**

Ngày........................... tháng................ năm..................... (Bằng chữ.......................... )(1)

Tại..................................................................................................................... (2).

Tôi (3)............................................................................. ,   là (4).....................................

Chứng thực

- Hợp đồng......................................................................... (5) được giao kết giữa:

Bên A: Ông/bà: ...................................................................................................................

Giấy tờ tùy thân (6) số...................................................

Bên B: Ông/bà: ...................................................................................................................

Giấy tờ tùy thân (6) số...................................................

- Các bên tham gia hợp đồng cam đoan chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của hợp đồng.

- Tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ yêu cầu và chứng thực, các bên tham gia

hợp đồng minh mẫn, nhận thức và làm chủ được hành vi của mình; tự nguyện thỏa thuận giao kết hợp đồng và đã cùng ký/điểm chỉ (7) vào hợp đồng này trước mặt ông/bà       là người tiếp nhận hồ sơ.

Hợp đồng này được lập thành....................................... bản chính (mỗi bản chính gồm ... tờ, ... trang), cấp cho:

+............................................... bản chính;

+............................................... bản chính;

Lưu tại......................................................... (2)   01 (một) bản chính.

Số chứng thực ...................... quyển số .............. (8) - SCT/HĐ,GD

|  |  |
| --- | --- |
| Người tiếp nhận hồ sơ ký, ghi rõ họ, tên (9) | Người thực hiện chứng thực ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu (10) |

**2. Lời chứng chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản**

Ngày........................... tháng............... năm........................ (Bằng... chữ.......................

Tại..................................................................................................................................

Tôi (3)........................................................................... , là (4)..........................................

Chứng thực

- Văn bản thỏa thuận phân chia di sản được lập bởi các ông/bà có tên sau đây:

1. Ông/bà    Giấy tờ tùy thân (6) số...............................................................

2. Ông/bà    Giấy tờ tùy thân (6) số................................................. ,

- Các ông/bà có tên trên cam đoan không bỏ sót người thừa kế và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của văn bản thỏa thuận phân chia di sản.

- Tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ yêu cầu và chứng thực, những người thỏa thuận phân chia di sản minh mẫn, nhận thức và làm chủ được hành vi của mình, tự nguyện thỏa thuận phân chia di sản và đã cùng ký/điểm (7) chỉ vào văn bản thỏa thuận phân chia di sản này trước mặt ông/bà .......................... là người tiếp nhận hồ sơ.

Văn bản thỏa thuận phân chia di sản này được lập thành ................................................ bản chính (mỗi bản chính gồm ... tờ, ... trang), cấp cho:

+....................................................... bản;

+....................................................... bản;

+....................................................... bản;

Lưu tại............................................................... (2) 01 (một) bản.

Số chứng thực ...................... quyển số .................(8) - SCT/HĐ,GD

|  |  |
| --- | --- |
| Người tiếp nhận hồ sơ ký, ghi rõ họ, tên  | Người thực hiện chứng thực ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu (10) |

**3. Lời chứng chứng thực văn bản khai nhận di sản (trong trường hợp một người khai nhận di sản)**

Ngày........................... tháng............. năm........................ (Bằng chữ............................

Tại................................................................................................................................ (2).

Tôi (3)............................................................................... , là (4).......................................

Chứng thực

- Văn bản khai nhận di sản này được lập bởi ông/bà.............................................................. Giấy tờ tùy thân (6) số

- Ông/bà ..................... cam đoan là người thừa kế duy nhất và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung khai nhận di sản.

- Tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ yêu cầu và chứng thực, ông/bà ....................................... minh mẫn, nhận thức và làm chủ được hành vi của mình, tự nguyện khai nhận di sản và đã ký/điểm chỉ (7) vào văn bản khai nhận di sản này trước mặt ông/bà ...................................... là người tiếp nhận hồ sơ.

Văn bản khai nhận di sản này được lập thành ..............................................  bản chính (mỗi bản chính gồm ... tờ, trang); cấp cho người khai nhận di sản ........................................................................  bản, lưu tại .............................. (2) 01 bản.

Số chứng thực........................................ quyển  số.......... (8) - SCT/HĐ,GD

|  |  |
| --- | --- |
| Người tiếp nhận hồ sơ ký, ghi rõ họ, tên (9) | Người thực hiện chứng thực ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu (10) |

**4. Lời chứng chứng thực văn bản khai nhận di sản (trong trường hợp có từ hai người trở lên cùng khai nhận di sản)**

Ngày........................... tháng............... năm................. (Bằng chữ.................................

Tại...................................................................................................................................

Tôi (3)................................................................................. ,... là ....

Chứng thực

- Văn bản khai nhận di sản này được lập bởi các ông/bà có tên sau:

1. Ông/bà    Giấy tờ tùy thân (6) số.......

2. Ông/bà    Giấy tờ tùy thân (6) số.......

- Các ông/bà có tên trên cam đoan không bỏ sót người thừa kế và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung khai nhận di sản.

- Tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ yêu cầu và chứng thực, những người khai nhận di sản hoàn toàn minh mẫn, nhận thức và làm chủ được hành vi của mình, tự nguyện khai nhận di sản và đã cùng ký/điểm chỉ (7) vào văn bản khai nhận di sản này trước mặt ông/bà ................................ là người tiếp nhận hồ sơ.

Văn bản khai nhận di sản này được lập thành ................................................  bản    chính (mỗi bản chính gồm ... tờ, trang); cấp cho:

+......................................................... bản;

+......................................................... bản;

+......................................................... bản;

Lưu tại................................................................... (2)   01 (một) bản.

Số chứng thực....................................... quyển... số............ (8) - SCT/HĐ,GD

|  |  |
| --- | --- |
| Người tiếp nhận hồ sơ ký, ghi rõ họ, tên (9) | Người thực hiện chứng thực ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu (10) |

**5. Lời chứng chứng thực di chúc**

Ngày........................... tháng............... năm..................... (Bằng chữ............................. )(1)

Tại................................................................................................................................ (2).

Tôi (3)............................................................................ ,... là (4).......................................

Chứng thực

- Ông/bà    Giấy tờ tùy thân (6) số...................... cam đoan chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của di chúc.

- Tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ yêu cầu và chứng thực, ông/bà ..................................... minh mẫn, sáng suốt, nhận thức và làm chủ được hành vi của mình, tự nguyện lập di chúc và đã ký/điểm chỉ (7) vào di chúc này trước mặt ông/bà .................................... là người tiếp nhận hồ sơ.

Di chúc này được lập thành................................... bản chính (mỗi bản chính gồm  ..... tờ, ....trang); giao cho người lập di chúc..................................................................... bản; lưu tại ............................ (2) 01 (một) bản.

Số chứng thực.................................... quyển số.................. (8) - SCT/HĐ,GD

|  |  |
| --- | --- |
| Người tiếp nhận hồ sơ ký, ghi rõ họ, tên (9) | Người thực hiện chứng thực ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu (10) |

**6. Lời chứng chứng thực văn bản từ chối nhận di sản (trong trường hợp một người từ chối nhận di sản)**

Ngày.......................... tháng................ năm..................... (Bằng chữ.............................

Tại................................................................................................................................ (2).

Tôi (3)....................................................................... , là (4)...............................................

Chứng thực

- Văn bản từ chối nhận di sản này được lập bởi ông/bà ........................................ Giấy tờ tùy thân (6) số ....................;

- Ông/bà ........................ cam đoan chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của văn bản từ chối nhận di sản.

- Tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ yêu cầu và chứng thực, ông/bà ................................... minh mẫn, nhận thức và làm chủ được hành vi của mình, tự nguyện từ chối nhận di sản và đã ký/điểm chỉ (7) vào văn bản từ chối nhận di sản này trước mặt ông/bà .................................. là người tiếp nhận hồ sơ.

Văn bản từ chối nhận di sản này được lập thành ............................................ bản chính (mỗi bản chính gồm ....... tờ, ...... trang), giao cho người từ chối nhận di sản ............. bản; lưu tại ................................ (2) 01 (một) bản.

Số chứng thực.................................... quyển số.................. (8) - SCT/HĐ,GD

|  |  |
| --- | --- |
| Người tiếp nhận hồ sơ ký, ghi rõ họ, tên (9) | Người thực hiện chứng thực ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu (10) |

7. Lời chứng chứng thực văn bản từ chối nhận di sản (trong trường hợp có từ hai người trở lên cùng từ chối nhận di sản)

Ngày..................................... tháng.................. năm.................... (Bằng chữ.......

Tại....................................................................................................................................

Tôi (3)....................................................................................... ,... là

Chứng thực

- Văn bản từ chối nhận di sản này được lập bởi các ông/bà có tên sau:

1. Ông/bà    Giấy tờ tùy thân (6) số........

2. Ông/bà    Giấy tờ tùy thân (6) số........

- Các ông/bà có tên trên cam đoan chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của văn bản từ chối nhận di sản.

- Tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ yêu cầu và chứng thực, những người từ chối nhận di sản minh mẫn, nhận thức và làm chủ được hành vi của mình, tự nguyện từ chối nhận di sản và đã cùng ký/điểm chỉ (7) vào văn bản từ chối nhận di sản này trước mặt ông/bà .................................. là người tiếp nhận hồ sơ.

Văn bản từ chối nhận di sản này được lập thành ........................................... bản chính (mỗi bản chính gồm .......... tờ, ............ trang), giao cho:

+......................................................... bản;

+......................................................... bản;

+......................................................... bản;

Lưu tại................................................................ (2) 01 (một) bản.

Số chứng thực..................................... quyển số..................... (8) - SCT/HĐ,GD

|  |  |
| --- | --- |
| Người tiếp nhận hồ sơ ký, ghi rõ họ, tên (9) | Người thực hiện chứng thực ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu (10) |